

Số: 02/2024/QĐST-HNGĐ

Quận 3, ngày 07 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

**V/v xác định cha, mẹ cho con**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Bà Trần Thị Ánh Phượng.

*Thư ký phiên họp:* Ông Nguyễn Đức Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:*** Bà Lê Thị Tuyết sương – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 3 mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 129/TLST-HNGĐ ngày 02/4/2024 về việc “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/4/2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1/. Ông N.V.H, sinh năm 1962 (Xin vắng mặt)

2/. Bà T.T.N, sinh năm 1965 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Bà N.T.K.H, sinh năm 1958 (Xin vắng mặt)

2/. Chị N.A.T, sinh năm 1991 (Xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

*Theo lời trình bày của người yêu cầu ông N.V.H và bà T.T.N tại Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con” đề ngày 21/3/2024 và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:*

Thời gian năm 1991, vì công việc làm ăn xa nên ông H không thể đi làm khai sinh cho con là N.A.T, sinh năm 1991. Do vậy, vợ chồng ông bà có nhờ ông N.M.C (là anh rể ông H) và bà N.T.K.H (là chị ruột ông H) đứng tên khai sinh cho cháu N.A.T. Đến năm 2002, ông H sau khi đi kinh tế mới về, vợ chồng ông bà có xin cháu N.A.T lại làm con nuôi, nhưng thật sự cháu là con ruột của vợ chồng ông bà.

Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B (nay là UBND Phường V, Quận B) có ban hành Quyết định số 45 QĐ/UB công nhận nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng anh chị của ông bà là ông N.M.C và bà N.T.K.H. Đồng thời cùng ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B đã lập Biên bản giao nhận con nuôi N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 giữa vợ chồng ông bà và bà N.T.K.H.

Do nay con ông bà là N.A.T đã trưởng thành cũng mong muốn về mặt pháp lý thể hiện ông bà là cha mẹ đẻ nên ngày 08/11/2023, vợ chồng ông bà đã cùng có đơn yêu cầu Tòa tuyên chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng ông C – bà H, vì bản chất cháu N.A.T thật sự là con đẻ của vợ chồng ông bà.

Ngày 19/01/2024, Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông bà đối với N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024.

Sau khi Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông bà có cùng con là N.A.T đi xét nghiệm ADN. Theo Kết quả xét nghiệm ADN của Chi nhánh Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy kết quả 99,9999% cháu N.A.T có quan hệ huyết thống là con ruột của vợ chồng ông bà.

Do đó, ông bà yêu cầu Tòa án nhân dân Quận B xác định ông bà chính là cha, mẹ ruột của con N.A.T, sinh năm 1991, CCCD số 079191035883, địa chỉ: Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H tại Bản tự khai ngày 11/4/2024 thể hiện:*

Thời gian năm 1991, ông N.V.H (là em ruột của bà) vì công việc làm ăn xa nên không thể đi làm khai sinh cho con là N.A.T, sinh năm 1991 nên có nhờ vợ chồng bà (chồng bà là ông N.M.C - đã chết) đứng tên khai sinh cho cháu N.A.T. Năm 2002, vợ chồng em trai bà là ông N.V.H – bà T.T.N có làm thủ tục xin cháu lại làm con nuôi nhưng thật sự cháu là con ruột của vợ chồng H - N.

Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B (nay là UBND Phường Võ Thị Sáu, Quận 3) có ban hành Quyết định số 45 QĐ/UB công nhận nuôi con nuôi giữa bà và vợ chồng em bà là N.V.H - T.T.N. Đồng thời cùng ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B đã lập Biên bản giao nhận con nuôi N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 giữa vợ chồng bà và vợ chồng em trai bà.

Do nay cháu N.A.T đã trưởng thành cũng mong muốn về mặt pháp lý thể hiện vợ chồng em trai bà là cha mẹ đẻ nên ngày 08/11/2023, vợ chồng em trai bà và bà đã thống nhất yêu cầu Tòa tuyên chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông bà với vợ chồng em trai bà, vì bản chất cháu N.A.T thật sự là con đẻ của vợ chồng H - N.

Ngày 19/01/2024, Tòa án nhân dân Quận B đã tuyên chấm dứt việc nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông H – bà N đối với N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024.

Sau khi Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi có hiệu lực pháp luật, vợ chồng em trai bà có cùng N.A.T đi xét nghiệm ADN. Theo Kết quả xét nghiệm ADN của Chi nhánh Viện Công nghệ ADN và phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh cho thấy kết quả 99,9999% cháu N.A.T có quan hệ huyết thống là con ruột của vợ chồng em trai bà.

Do đó, nay bà thống nhất với yêu cầu của vợ chồng em trai bà về việc xác nhận cha, mẹ cho con, chính là ông N.V.H, bà T.T.N là cha mẹ ruột của N.A.T, sinh năm 1991, CCCD số 079191035883, địa chỉ: Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Theo lời trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị N.A.T tại Bản tự khai ngày 12/4/2024 thể hiện:*

Chị sống cùng ba mẹ là ông N.V.H và bà T.T.N tại Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1991 cho đến nay. Trong quá trình chung sống từ nhỏ đến lớn cùng ba mẹ, khi đến tuổi trưởng thành chị đã thắc mắc tại sao chị lại là con nuôi của ba mẹ và lại có giấy quyết định nhận con nuôi. Chính vì vậy mà ba mẹ chị mới tiến hành yêu cầu hủy quyết định nuôi con nuôi và đi giám định ADN với chị. Chị xác nhận toàn bộ nội dung đơn của ba mẹ chị là ông H – bà N hoàn toàn đúng sự thật. Chị đồng ý với yêu cầu của ba mẹ chị là ông H - bà N về việc xác định ông bà chính là cha mẹ ruột của chị. Chị không có ý kiến gì thêm.

*Tại phiên họp:*

- *Người yêu cầu ông N.V.H – bà T.T.N:* Xin vâng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H, chị N.A.T:* Xin vâng mặt.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận B phát biểu ý kiến tại phiên họp về thủ tục tố tụng và phân tích nội dung vụ việc:* Căn cứ các lời trình bày của đương sự, các tài liệu chứng cứ do Tòa án nhân dân Quận B thu thập được cho thấy yêu cầu của ông N.V.H – bà T.T.N là có cơ sở, đề nghị Tòa án nhân dân Quận B chấp nhận đơn yêu cầu của ông H – bà N về việc xác định ông bà chính là cha, mẹ ruột của con N.A.T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân Quận B nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông N.V.H – bà T.T.N yêu cầu xác định cha, mẹ cho con đối với N.A.T, sinh ngày 01/8/1991, CCCD số 079191035883, hiện đang cư trú tại Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, căn cứ vào khoản 10 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm t khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ của việc dân sự này là “Yêu cầu xác định cha, mẹ cho con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận B.

[2]. Về thủ tục giải quyết vắng mặt:

[2.1]. Tại Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 22/4/2024, người yêu cầu ông N.V.H – bà T.T.N xác định: Vẫn giữ nguyên yêu cầu giải quyết việc dân sự, căn cứ vào khoản 2 Điều 367 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt ông H – bà N.

[2.2]. Tại Bản tự khai đề ngày 11/4/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H, chị N.A.T xác nhận cùng thống nhất với yêu cầu của ông H – bà N đồng thời xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng tại Tòa. Căn cứ vào khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 3 tiến hành giải quyết vắng mặt bà H, chị Thu.

[3]. Về yêu cầu của người yêu cầu ông N.V.H – bà T.T.N:

Xét lời trình bày của người yêu cầu ông H – bà N và của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N.T.K.H, chị N.A.T cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cho thấy:

Thời gian năm 1991, vì công việc làm ăn xa nên ông H không thể đi làm khai sinh cho con là N.A.T, sinh năm 1991 nên có nhờ ông N.M.C và bà N.T.K.H (là chị ruột ông H) đứng tên khai sinh cho cháu N.A.T. Đến năm 2002, sau khi đi kinh tế mới về, vợ chồng ông bà có xin cháu N.A.T lại làm con nuôi. Ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B (nay là UBND Phường V, Quận B) có ban hành Quyết định số 45 QĐ/UB công nhận nuôi con nuôi giữa vợ chồng ông H – bà N với vợ chồng ông C - bà H. Đồng thời cùng ngày 01/4/2002, Ủy ban nhân dân Phường B, Quận B đã lập Biên bản giao nhận con nuôi N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 cho ông H – bà N. Ngày 19/01/2024, Tòa án nhân dân Quận 3 đã tuyên chấm dứt việc nuôi con nuôi của vợ chồng ông H – bà N đối với N.A.T, sinh ngày 01/8/1991 theo Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024. Sau khi Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 01/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19/01/2024 về việc chấm dứt việc nuôi con nuôi có hiệu lực pháp luật, vợ chồng ông H – bà N có cùng N.A.T đi xét nghiệm ADN.

Tại Kết quả xét nghiệm ADN số 1055PA/24/DNA ngày 19/3/2024 của Chi nhánh Viện Công nghệ ADN và Phân tích Di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: “N.V.H có quan hệ huyết thống cha – con với N.A.T, độ tin cậy > 99,9999% và T.T.N có quan hệ huyết thống mẹ - con với N.A.T, độ tin cậy > 99,9999%.”

Do đó, có đủ cơ sở pháp lý để xác định ông N.V.H có quan hệ huyết thống cha – con với N.A.T và bà T.T.N có quan hệ huyết thống mẹ - con với N.A.T nên yêu cầu của ông H – bà N, là có cơ sở để chấp nhận, căn cứ các Điều 90, 91 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4]. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Ông N.V.H – bà T.T.N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

Tuy nhiên, căn cứ Đơn xin miễn tạm ứng lệ phí ngày 21/3/2024 của ông N.V.H và bà T.T.N với lý do ông bà là người cao tuổi, Tòa án nhân dân Quận B xét thấy:

Ông N.V.H sinh năm 1962, nay đã 62 tuổi, nên là người cao tuổi còn bà T.T.N, sinh ngày 16/02/1965, hiện nay chưa đủ 60 tuổi nên không phải là người cao tuổi, theo quy định tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009.

Tại Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 quy định: “*Người cao tuổi được quy định trong Luật này là công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi trở lên.*”

Do đó, ông H được miễn nộp tiền lệ phí giải quyết việc dân sự nhưng bà N vẫn phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 10 Điều 29; điểm b khoản 2 Điều 35; điểm t khoản 2 Điều 39; khoản 1 Điều 149; Điều 150; khoản 2, khoản 3 Điều 367 và các Điều 369, 370, 371, 372 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 90, 91 và khoản 2 Điều 102 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo);

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2014:

*1. Chấp nhận yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông N.V.H – bà T.T.N:*

Xác định chị N.A.T, sinh ngày 01/8/1991, Quốc tịch Việt Nam, Căn cước công dân số 079191035883 cấp ngày 15/8/2022, địa chỉ thường trú tại số Đường H, Phường V, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là con ruột của ông N.V.H – bà T.T.N.

Ông N.V.H, bà T.T.N, chị N.A.T có quyền liên hệ với cơ quan chức năng để tiến hành cải chính hồ tịch theo quy định.

*2. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự:*

- Ông N.V.H được miễn nộp.

- Bà T.T.N phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 150.000 (*Một trăm năm mươi nghìn*) đồng.

*3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:*

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong thời hạn 10 (*Mười*) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 3;
- Chi cục THADS Quận 3;
- Lưu: VP, hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Trần Thị Ánh Phượng**